TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST
Ngày 03-6-2020
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Ninh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Công
Ông Trương Xuân Vũ

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái*** tham gia phiên tòa: Bà Diêm Thị Thanh Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 20/2020/TLST–HNGĐ ngày 10/02/2020 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXXST - DS ngày 08 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18/5/2020 giữa:

- *Nguyên đơn:* anh **Triệu Văn N**, sinh năm 1991
Địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt, có lý do)

- *Bị đơn:* chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1997
Địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt, không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/02/2020 và bản tự khai nguyên đơn Triệu Văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên vào ngày 15/9/2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã M, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh đi làm ăn xa nên vợ chồng có bất đồng quan điểm sống, sau đó chị H tự ý về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, mặc dù anh đã khuyên giải nhiều lần nhưng chị H không về. Vợ chồng đã

sống ly thân hai năm nay và không còn quan tâm đến nhau. Đến nay xác định tình cảm không còn, anh N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: anh và chị H có 01 con chung Triệu Minh Q, sinh ngày 16/10/2016, hiện đang ở cùng anh. Sau khi ly hôn, anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Lục Yên đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến bị đơn Nguyễn Thị H nhưng chị H không có mặt. Tòa án đã lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không hòa giải được và đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình tố tụng, Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị Tòa án về nội dung vụ án như sau:

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014: Về quan hệ hôn nhân giải quyết cho anh N được ly hôn với chị H, về con chung giao anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí anh N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia xét xử lần hai nhưng vắng mặt, không lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* anh Triệu Văn N và chị Nguyễn Thị H kết hôn vào ngày 15/9/2015 có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Việc kết hôn này tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: qua lời khai của nguyên đơn sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh N đi làm ăn xa, vợ chồng bất đồng quan điểm nên chị H về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Mâu thuẫn kéo dài không thể khắc phục được, vợ chồng sống ly thân hai năm nay không còn quan tâm đến nhau. Hiện tại mỗi người làm việc một nơi. Lời khai của nguyên đơn là phù hợp với nội dung biên bản xác minh của Tòa án tại Thôn K, xã M, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa hôm nay, anh N vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*".

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh N, có căn cứ chấp nhận.

[3] *Về con chung*: anh N và chị H có 01 con chung Triệu Minh Q, sinh ngày 16/10/2016, kết quả xác minh xác định hiện tại cháu đang do anh N trực tiếp nuôi dưỡng có nơi ở và học tập ổn định. Mặt khác, hiện tại chị H không có mặt tại nơi cư trú, không có mặt tại Tòa án do đó không có căn cứ để xém xét.

Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung, theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao cháu Q cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, là phù hợp. Anh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] *Về án phí:* anh Triệu Văn N phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo:* các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; 57; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Triệu Văn N được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: giao cho anh Triệu Văn N tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Triệu Minh Q, sinh ngày 16/10/2016 cho đến khi đủ18 tuổi. Chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: anh Triệu Văn N phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng chẵn*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng chẵn*) theo biên lai số AA/2017/0004732 ngày 10/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Anh N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh YB;
- VKSND H. Lục Yên;
- THADS H. Lục Yên;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, tập án.

Trần Đăng Ninh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**